TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **352/**2020/DS-ST
Ngày 26/11/2020
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Bảnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Bền**

Ông **Nguyễn Hoàng Lợi**

-Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Trương Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

***-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa*:** Ông **Duy Ngọc Thái** – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2020/QĐXX-ST ngày 09 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Phạm Hải B**, sinh năm: 1977

Địa chỉ: 44 Tỉnh lộ 848, khóm TB, phường AH, Thành phố SĐ, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: **Nguyễn Hoàng G**, sinh năm: 1968

Địa chỉ: số 428 NTMK, Khóm 1, Phường 1, Thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp (có mặt)

-*Bị đơn*: **1/ Trương Văn T**, sinh năm: 1974 (có mặt)

HKTT: ấp Kênh 5, xã AMB, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang

2/ Đặng Ngọc D, sinh năm: 1983 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã KS, huyện CT, Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Trong đơn khởi kiện ngày 18/5/2020 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàng G trình bày:

Do là chổ quen biết nên ngày 01/11/2017 anh Phạm Hải B có cho vợ chồng anh Trương Văn T và chị Đặng Ngọc D vay số tiền 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 01/11/2017 đến ngày 28/02/2018, với lãi suất 7%/năm, có thế chấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) thửa 2299 diện tích 1.948,5m^2 và thửa 2257 diện tích 1.152,9m^2 tại ấp H, xã KS, huyện CT, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Châu Thành cấp ngày 25/6/2008 cho chị Đặng Ngọc D đứng tên, việc vay tiền có làm giấy tay do chị D viết.

Sau khi vay cho đến hạn trả, chị D và anh T không trả tiền vay và cũng không trả tiền lãi theo cam kết. Anh B cũng nhiều lần liên lạc yêu cầu trả nợ nhưng anh T, chị D chỉ hứa hẹn mà không trả.

Nay, Anh B khởi kiện yêu cầu buộc anh Trương Văn T và chị Đặng Ngọc D có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh Phạm Hải B số tiền vay 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) và tiền lãi 7%/năm tính từ ngày 28/02/2018 đến khi giải quyết xong vụ án, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

-Tại bản tự khai ngày 06/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Đặng Ngọc D trình bày:

Trước đây chị và anh T là vợ chồng, cùng chung sống ở quê chị là ấp H, xã KS, huyện CT, Tiền Giang, anh T chỉ ở chứ không có chuyển hộ khẩu về mà vẫn còn hộ khẩu ở ấp Kênh 5, xã AMB, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng cùng làm nghề điện lạnh nên có làm cho nhiều công ty trong đó có Công ty của Anh B. Sau đó thiếu vốn nên vợ chồng chị có vay của Anh B số tiền 1.200.000.000 đồng, có làm giấy tay do chị viết, mỗi bên giữ một bản, giấy thế chấp như Anh B cung cấp cho Tòa án là do chị viết ký họ tên cùng với anh T, có thế chấp cho Anh B 02 giấy đất tại ấp H, xã KS, huyện CT, tỉnh Tiền Giang do chị đứng tên giấy đất. Trước khi vay tiền của Anh B thì chị đang vay thế chấp 02 giấy đất tại Ngân hàng, khi hỏi vay Anh B được thì chị hỏi vay bên ngoài để trả Ngân hàng và đem giấy đất qua thế chấp cho Anh B, vì vậy chị chưa kịp làm thủ tục xóa thế chấp.

Ngoài khoản vay của Anh B thì chị và anh T còn vay người khác để làm ăn nên khi còn thuận hòa chị và anh T có thỏa thuận miệng là anh T trả khoản nợ của Anh B, chị trả nợ ngoài 550 triệu đồng. Sau đó chị và anh T có mâu thuẫn do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng sống ly thân, chị lo trả khoản nợ ngoài, khoản nợ của Anh B chị có hỏi anh T thì anh T nói đã thương lượng với Anh B cho kéo dài thời gian.

Đến tháng 02/2020 chị và anh T ly hôn, chị cũng có hỏi khoản nợ Anh B thì anh T hứa sẽ chịu trách nhiệm trả để lấy giấy đất về cho chị nên chị tin tưởng. Khi nhận được thông báo thụ lý của Tòa án chị mới biết anh T không trả nợ cho Anh B và bị khởi kiện.

Nay, chị đồng ý cùng anh T trả cho Anh B số tiền nợ 1.200.000.000 đồng nhưng xin cho thời gian 06 tháng để chị về Kiên Giang bán phần đất ở Kiên Giang được bao nhiêu thì trả hết cho Anh B, còn lại bao nhiêu nợ thì chị sẽ trả dần cho đến khi hết nợ.

-Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2020, bị đơn là anh Trương Văn T trình bày:

Trước đây anh và chị Đặng Ngọc D là vợ chồng, cả hai chung sống bên gia đình chị D ở ấp H, xã KS, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, anh chỉ ở, sau đó cất lại nhà to hơn chứ không có đăng ký tạm trú mà hộ khẩu anh vẫn còn ở ấp Kênh 5, xã AMB, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. Trong thời gian vợ chồng chung sống, hai vợ chồng có mở Công ty để làm điện lạnh nên có quen biết anh Phạm Hải B là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cỏ May, từ đó hai bên thân thiết nhau, Anh B đã tạo cơ hội cho vợ chồng làm công việc cải tạo hệ thống lạnh làm thủy sản của công ty Anh B, đã làm được một băng chuyền, muốn làm tiếp phải có vốn nhiều nhưng vợ chồng anh không có đủ nên Anh B đồng ý cho mượn tiền cá nhân với điều kiện phải có tài sản bảo đảm nên vợ chồng anh đã về thông qua mẹ vợ và dì vợ để lấy giấy đất thế chấp cho Anh B,(thời điểm này giấy đất do chị D đứng tên, nguồn gốc đất là của mẹ vợ và dì vợ, sau đó hai bà để vợ đứng tên để có tài sản vay vốn vợ chồng làm ăn và vợ chồng đang vay thế chấp ở Ngân hàng 400.000.000 đồng). Sau khi được hai bà đồng ý, vợ đã đi vay em vợ 400.000.000 đồng để trả Ngân hàng lấy giấy đất ra đưa cho Anh B.

Khi có giấy đất, anh và chị D đã đem đến Anh B vay tiền 1.200.000.000 đồng và thế chấp hai giấy đất số 502026 và 502025, có làm giấy thế chấp cho Anh B ngày 01/11/2017 do chị D viết, sau đó hai vợ chồng ký ghi họ tên, lãi cho vay là 7%/năm.

Sau khi nhận được số tiền từ Anh B là 1.200.000.000 đồng tiền mặt, anh có nói chị D trả tiền cho em vợ nhưng kéo dài hơn năm mà chị D vẫn nói chưa trả, sau đó anh nghe người dì nói đã trả rồi, từ đó vợ anh gây sự với người dì và đuổi bà đi. Thấy vợ đối với người dì có công cực khổ với vợ chồng như vậy và còn gian dối anh trong công việc làm ăn cũng như trả nợ cho em vợ nên vợ chồng thường hay cải nhau, từ đó kéo theo nhiều mâu thuẫn khác và sau cùng là đi đến ly hôn vào tháng 02/2020 tại TAND huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Khi ly hôn, vợ chồng có thỏa thuận miệng là vợ trả nợ cho cha vợ 100.000.000 đồng, anh trả nợ của Anh B bằng cách vợ chồng sang tên các miếng đất ở Kiên Giang cho con tên Trương Minh An, sau đó nhờ con đi vay thế chấp để trả cho Anh B, còn thiếu bao nhiêu anh đi làm sẽ trả nhưng chị D không thực hiện theo thỏa thuận là sang tên cho con nên không có tiền trả Anh B, anh đi làm bị thua lỗ nên cũng không có khả năng trả, vì vậy chưa trả được cho Anh B số tiền nào. Thời gian sau anh có gặp Anh B để xin hẹn nợ, Anh B cũng đồng ý, anh có về nói với chị D thì chị D nói để tự lo không cần anh lo. Sau khi ly hôn, anh đi làm thuê cho người khác, công việc còn khó khăn nên không có tiền trả nợ cho Anh B.

Từ ngày vay tiền đến nay, anh chưa trả được cho Anh B số tiền vốn, lãi nào. Nay, anh đồng ý liên đới cùng chị D trả nợ cho Anh B số tiền vốn 1.200.000.000 đồng và lãi theo yêu cầu, xin trả trong thời hạn 18 tháng, sau khi trả xong nợ thì Anh B phải trả giấy đất cho anh và chị D.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hoàng G đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Hải B vẫn giữ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đã trình bày, yêu cầu anh T và chị D trả tiền vốn 1.200.000.000 đồng và lãi 7%/năm khi án có hiệu lực pháp luật. Khi anh T, chị D trả xong tiền thì Anh B sẽ trả lại 02 giấy đất cho chị D, anh T.

Chị D đồng ý trả tiền vốn, xin không trả lãi và xin thời gian để bán phần đất ở Kiên Giang trả, còn nợ bao nhiêu thì cả hai cùng trả dần cho Anh B.

Anh T đồng ý liên đới trả vốn và lãi cho Anh B như yêu cầu, xin trả trong thời hạn 24 tháng.

**Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến:*

-Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Đối với đương sự: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

-Về việc giải quyết vụ án: đề nghị căn cứ Điều 463, 466, 468 BLDS chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Hải B, buộc chị Đặng Ngọc D và anh Trương Văn T trả tiền vốn 1.200.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu, trả khi án có hiệu lực pháp luật. Đối với 02 giấy chứng nhận QSSĐ thì đề nghị Anh B trả cho chị D và anh T khi anh chị thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về nội dung tranh chấp:*

[1.1] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn Hoàng G đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và chị Đặng Ngọc D, anh Trương Văn T trình bày thống nhất là ngày 01/11/2017 anh Trương Văn T và chị Đặng Ngọc D có vay của anh Phạm Hải B số tiền 1.200.000.000đồng, lãi thỏa thuận là 7%/năm, thời hạn vay từ ngày 01/11/2017 đến ngày 28/02/2018, có làm giấy thế chấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 2299 diện tích 1.948,5m^2 và thửa 2257 diện tích 1.152,9m^2 tại ấp Hội, xã Kim Sơn, Châu Thành, Tiền Giang do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 25/6/2008 cho chị Đặng Ngọc D đứng tên, có làm giấy thế chấp do chị D viết, anh T và chị D cùng ký và ghi họ tên. Sau khi vay cho đến hạn trả nợ, anh T và chị D chưa trả được cho Anh B khoản tiền nào.

Như vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định anh T và chị D có vay tiền của Anh B và vẫn còn nợ số tiền vốn 1.200.000.000 đồng. Do đó nay Anh B yêu cầu anh T, chị D trả tiền là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2] Về yêu cầu trả lãi, theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (BLDS) thì mức lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm, mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 7%/ năm là thấp hơn mức lãi suất quy định của pháp luật. Đồng thời theo quy định tại khoản 5 Điều 466 BLDS thì ngoài việc trả lãi trên nợ gốc trong hạn theo thỏa thuận bên vay còn có nghĩa vụ trả lãi trên nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Tuy nhiên, anh Phạm Hải B chỉ yêu cầu anh T và chị D trả tiền lãi 7% năm tính từ ngày 28/02/2018 đến ngày xét xử là có lợi cho anh T, chị D nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ ngày 28/02/2018 đến ngày xét xử (26/11/2020) tính tròn là 33 tháng.

Như vậy 1.200.000.000đ x 7%/năm = 84.000.000 đồng/năm. Chia ra mỗi tháng là 7.000.000 đồng. Tổng cộng 33 tháng x 7.000.000đ = 231.000.000 đồng

Như vậy tổng cộng tiền vốn và lãi là 1.431.000.000 đồng,

[1.3] Về thời hạn trả, anh Phạm Hải B yêu cầu anh Trương Văn T và chị Đặng Ngọc D trả tiền vốn và lãi làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Anh T đồng ý trả tiền vốn và lãi theo yêu cầu của Anh B nhưng xin trả dần trong thời hạn 24 tháng; chị D đồng ý trả vốn, xin không trả lãi và xin thời gian để bán được phần đất ở Kiên Giang sẽ trả, còn lại bao nhiêu sẽ trả dần. Ý kiến này của anh T, chị D không được ông Giang đại diện theo ủy quyền của Anh B chấp nhận nên Hội đồng xét xử cần buộc anh T, chị D trả tiền cho Anh B khi án có hiệu lực pháp luật.

[1.4] Đối với giấy chứng nhận QSDĐ thửa 2299 diện tích 1.948,5m^2, số vào sổ H00989 và thửa 2257 diện tích 1.152,9m^2, số vào sổ H00990 đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 01 tại ấp H, xã KS, huyện CT, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 25/6/2008 cho chị Đặng Ngọc D đứng tên, khi anh T và chị D trả xong nợ thì Anh B có nghĩa vụ trả lại cho anh chị.

[2] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 317, 319, 322, 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Hải B.

1. Buộc anh Trương Văn T và chị Đặng Ngọc D có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Phạm Hải B số tiền 1.431.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm ba mươi mốt triệu đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Anh B có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp anh T, chị D chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Khi anh Trương Văn T và chị Đặng Ngọc D trả xong nợ thì Anh B có nghĩa vụ trả lại bản chính hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 2299 diện tích 1.948,5m^2, số vào sổ H00989 và thửa 2257 diện tích 1.152,9m^2, số vào sổ H00990, đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 01, tại ấp H, xã KS, huyện CT, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/6/2008 đứng tên chị Đặng Ngọc D cho chị D và anh T.

2. *Về án phí:* Anh Trương Văn T và chị Đặng Ngọc D cùng chịu là 54.930.000 đồng.

Hoàn lại cho anh Phạm Hải B số tiền tạm ứng án phí 24.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002871 ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THADS huyện Châu Thành;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Bảnh